Tổng hợp số liệu khai thác các chuyên bay đúng giờ, chậm, hủy chuyến của các hãng hàng không Việt Nam 8 tháng đầu năm 2022

Chỉ tiêu	Vietnam Airlines		VietJet Air		Pacific Airlines		VASCO		Bamboo Airways		Viettravel		Tổng		
	Số chuyến	Tỷ lệ	Số chuyến	Tỷ lệ	Số chuyến	Tỷ lệ	Số chuyến	Tỷ lệ	Số chuyến	Tỷ lệ	Số chuyến	Tỷ lệ	Số chuyến	Tỷ lệ	Tỷ trọng
CHUYẾN BAY KHAI THÁC	**78.202**		**76.513**		**11.241**		**5.538**		**33583**		**3165**		**208.242**		
Tăng/giảm so cùng kỳ	*107,8%*		*121,9%*		*75,4%*		*106,7%*		*66,9%*		*145,9%*		*103,0%*		
SỐ CHUYẾN BAY CẤT CÁNH ĐÚNG GIỜ (OTP)	**65.696**	*84,0%*	**64.865**	*84,8%*	**10.451**	*93,0%*	**5.011**	*90,5%*	**31957**	*95,2%*	**2.944**	*93,0%*	**180.924**	*86,9%*	
Tăng/giảm so cùng kỳ (điểm)		*-10,6*		*-8,1*		*-0,4*		*-2,4*		*-1,7*		*-3,8*		*-7,5*	
CHẬM CHUYẾN	**12.506**	16,0%	**11.648**	15,2%	**790**	7,0%	**527**	9,5%	**1.626**	4,8%	**221**	7,0%	**27.318**	13,1%	
Tăng/giảm so cùng kỳ (điểm)		*10,6*		*8,1*		*0,4*		*2,4*		*1,7*		*3,8*		*7,5*	
1. Trang thiết bị và dịch vụ tại Cảng	1.166	*1,5%*	371	*0,5%*	18	*0,2%*	24	*0,4%*	7	*0,0%*	5	*0,2%*	1.591	*0,8%*	*5,8%*
2. Quản lý, điều hành bay	423	*0,5%*	3	*0,0%*	1	*0,0%*	10	*0,2%*	4	*0,0%*	1	*0,0%*	442	*0,2%*	*1,6%*
3. Hãng hàng không	1.545	*2,0%*	1.055	*1,4%*	156	*1,4%*	44	*0,8%*	305	*0,9%*	17	*0,5%*	3.122	*1,5%*	*11,4%*
4. Thời tiết	329	*0,4%*	118	*0,2%*	61	*0,5%*	42	*0,8%*	43	*0,1%*	5	*0,2%*	598	*0,3%*	*2,2%*
5. Lý do khác	1.530	*2,0%*	133	*0,2%*	18	*0,2%*	7	*0,1%*	37	*0,1%*	4	*0,1%*	1.729	*0,8%*	*6,3%*
6. Tàu bay về muộn	7.513	*9,6%*	9.968	*13,0%*	536	*4,8%*	400	*7,2%*	1.230	*3,7%*	189	*6,0%*	19.836	*9,5%*	*72,6%*
HỦY CHUYẾN	**644**	*0,8%*	**162**	*0,2%*	**4**	*0,0%*	**60**	*1,1%*	**26**	*0,1%*	**0**	*0,0%*	**896**	*0,4%*	
Tăng/giảm so cùng kỳ (điểm)		*-3,2*		*-0,6*		*-0,3*		*-0,8*		*-0,2*		*-0,2*		*-1,5*	
1. Thời tiết	17	*0,0%*	25	*0,0%*	4	*0,0%*	26	*0,5%*	13	*0,0%*	0	*0,0%*	85	*0,0%*	*9,5%*
2. Kỹ thuật	25	*0,0%*	24	*0,0%*	0	*0,0%*	28	*0,5%*	7	*0,0%*	0	*0,0%*	84	*0,0%*	*9,4%*
3. Thương mại	0	*0,0%*	2	*0,0%*	0	*0,0%*	2	*0,0%*	0	*0,0%*	0	*0,0%*	4	*0,0%*	*0,4%*
4. Khai thác	71	*0,1%*	111	*0,1%*	0	*0,0%*	2	*0,0%*	6	*0,0%*	0	*0,0%*	190	*0,1%*	*21,2%*
5. Lý do khác	531	*0,7%*	0	*0,0%*	0	*0,0%*	2	*0,0%*	0	*0,0%*	0	*0,0%*	533	*0,3%*	*59,5%*